PHÒNG GD – ĐT QUẬN BÌNH THẠNH

TRƯỜNG THCS YÊN THẾ

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này có 4 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2022-2023
Môn: TOÁN – Lớp 6
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. ***(3,0 điểm)*** **Mỗi** câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó

Câu 1. **[NB]** Trong các số sau, số nào là số tự nhiên?

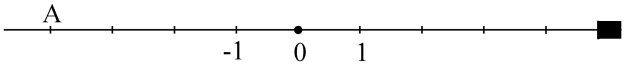
A. 20. **B.** 2,5. **C.** $\frac{2}{3}$. **D.** 0,5.

Câu 2. **[NB]** Khẳng định nào dưới đây **sai**?

A. Số đối của số –10 là 10. **B.** Số đối của 2022 là –2022.

C. Số đối của 11 là –(–11). **D.** Số đối của 0 là 0.

Câu 3. **[TH]** Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?



A. –3. **B.** 3. **C.** –4. **D.** -5.

Câu 4. **[NB]** Số 20 **không phải** là bội của số tự nhiên nào dưới đây?

A. 2. **B.** 5. **C.** 10. **D.** 30.

Câu 5. **[NB]** Yếu tố nào sau đây không phải của hình thoi?

A. Hai đường chéo vuông góc với nhau **B.** Có 4 cạnh bằng nhau

C. Hai cặp cạnh đối diện song song với nhau **D.** Có 4 góc vuông.

Câu 6. **[TH]** Tìm x biết $3 \cdot x = -30$.

A. 10. **B.** –10. **C.** -25 . **D.** 12.

Câu 7. **[NB]** Kết quả của phép tính (– 100) + (– 15) bằng

A. – 115. -100 **B.** 115 . **C.** –200. -150 **D.** -185 .

Câu 8. **[NB]** Cho tam giác đều ABC ABC với AB = 10 cm $AB = 6\text{cm}$. Độ dài cạnh BC BC là

A. 10 cm. $BC = 6\text{cm}$ **B.** 12,5 cm $BC = 12\text{cm}$. **C.** 20 cm. $BC = 8\text{cm}$ **D.** 15 cm. $BC = 16\text{cm}$

Câu 9. **[NB]** Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	2	1	8	8	9	5	6	1

Số học sinh đạt điểm Giỏi (điểm 9) là:

A. 1. **B.** 6. **C.** 19. **D.** 7

Câu 10. **[NB]** Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

A. Những môn học có điểm tổng kết trên 9,0 của bạn Mai.

B. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).

C. Chiều cao trung bình của một số loại cây thân gỗ (đơn vị tính là mét).

D. Số học sinh thích ăn xúc xích.

Câu 11. **[TH]** Dữ liệu số máy cày của 5 xã được cho ở bảng sau đây:

Xã	Số máy cày
Xã A	
Xã B	
Xã C	
Xã D	
Xã E	

(= 10 máy cày; = 5 máy cày)

Em hãy cho biết xã nào có nhiều máy cày nhất ?

A. Xã C **B.** Xã B **C.** Xã A **D.** Xã D

Câu 12. **[VD]** Theo Tổng cục Thống kê, tháng 10 năm 2020 dân số Việt Nam được làm tròn là 98 000 000 người. Dân số Việt Nam được viết dưới dạng tích một số với một lũy thừa của 10 là:

A. $980 \cdot 10^7$ 98.10^6 người. **B.** 980.10^6 $980 \cdot 10^6$ người.

C. $98 \cdot 10^7$ 98.10^7 người. **D.** $98 \cdot 10^6$ 980.10^7 người.

Phần 2: Tự luận ***(7,0 điểm)***

Bài 1. ***(2,5 điểm)***

a) **[NB]** Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 13.

b) **[NB]** Viết tập hợp các ước của 12.

c) **[NB]** Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 12; –5; 0; -10.

d) **[VD]** Một máy bay đang bay ở độ cao 5 000 m trên mực nước biển, tình cờ thẳng ngay bên dưới máy bay có một chiếc tàu ngầm đang lặn ở độ sâu 1 200 m dưới mực nước biển. Tính khoảng cách theo chiều thẳng đứng giữa máy bay và tàu ngầm.

Bài 2. ***(2,25 điểm)***

a) **[TH]** Tính giá trị biểu thức M = $10 \cdot 2^2 - 6^7 : 6^5$.

b) **[TH]** Tìm x biết x – 20 = 5 · (–10).

c) **[VDC]** Một lớp học có 12 bạn nữ và 18 bạn nam. Các bạn muốn chia lớp thành các nhóm nhỏ gồm nam và nữ đều nhau. Hỏi có thể chia nhiều nhất bao nhiêu nhóm học sinh?

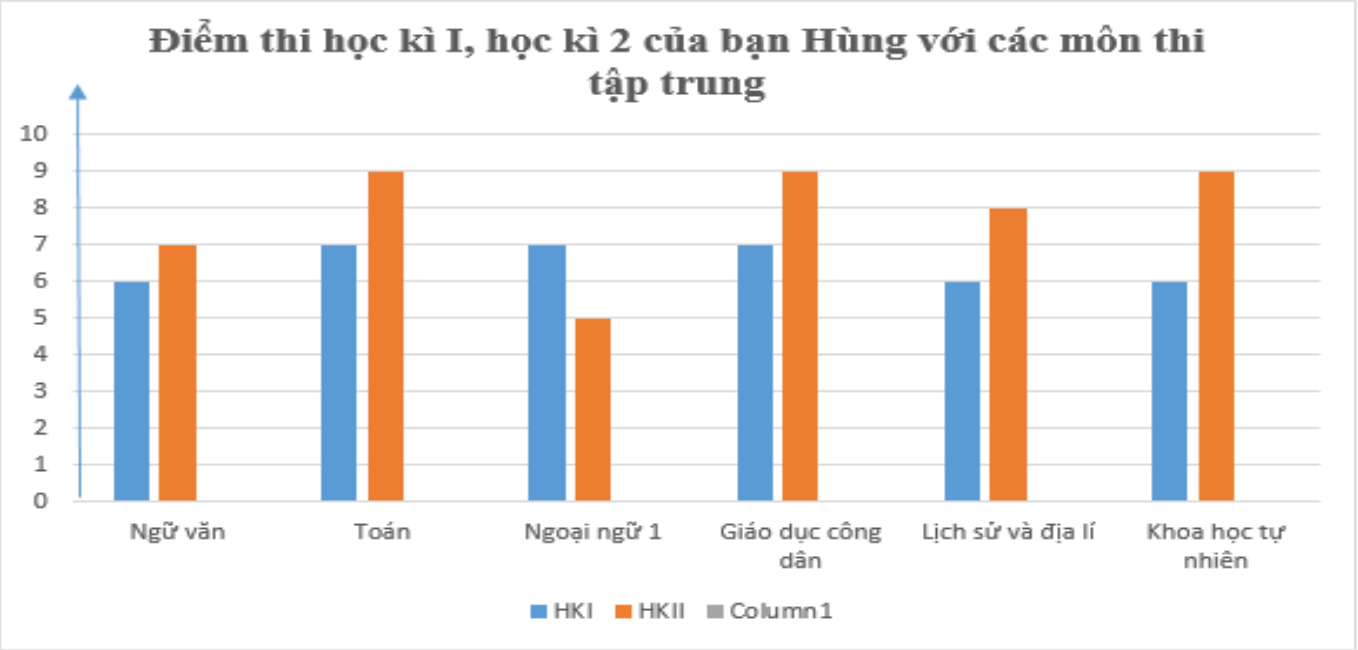
Bài 3. ***(1,25 điểm)*** Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng là 12 m và chiều dài là 16 m.

a) Tính diện tích khu vườn đó bằng m^2?

b) Người ta dự định xây tường rào cho khu vườn đó. Biết mỗi mét dài tường rào tốn 450 000 đồng. Hỏi cần bao nhiêu tiền để xây tường rào?

Bài 4: ***(1,0 điểm)***

Cho biểu đồ cột kép biểu diễn mức độ yêu thích các môn thể thao của học sinh lớp 6A:



Từ biểu đồ trên em hãy cho biết:

a/ **[NB]** Môn khoa học tự nhiên Hùng đạt được tiến bộ nhiều nhất?

b/ **[TH]** Có môn học nào Hùng có điểm thi giảm đi hay không? Giảm bao nhiêu điểm?

---------- **Hết** ----------